HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21/NQ-HĐND	*Đắk Lắk, ngày 14 tháng 7 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Quyết định biên chế công chức trong các cơ quan hành chính, phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, biên chế hội đặc thù của tỉnh Đắk Lắk năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Căn cứ Quyết định số 65-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 1936-QĐ/BTCTW ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Đắk Lắk năm 2023;

Xét Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về quyết định giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính, phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, biên chế hội đặc thù của tỉnh Đắk Lắk năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 92/BC-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định biên chế công chức trong các cơ quan hành chính, phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, biên chế hội đặc thù của tỉnh Đắk Lắk năm 2023, như sau:

1. Tổng số biên chế công chức là **2.955** biên chế, cụ thể:

- Các Sở, ngành cấp tỉnh: 1.398 biên chế;

- Đội công tác phát động quần chúng tỉnh: 17 biên chế;

- UBND các huyện, thị xã, thành phố: 1.447 biên chế;

- Đội công tác phát động quần chúng cấp huyện: 82 biên chế;

- Dự phòng: 11 biên chế.

(Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo)

2. Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh là **37.617** người, cụ thể:

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 31.235 biên chế;

- Sự nghiệp y tế: 4.522 biên chế;

- Sự nghiệp khác: 1.860 biên chế.

3**.** Biên chế hội đặc thù: **137** biên chế**.**

(Chi tiết theo Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này, quyết định giao chi tiết số lượng người làm việc tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập theo thẩm quyền và báo cáo kết quả tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

Phụ lục I

BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh)

(Đơn vị tính: biên chế)

Số TT	Tên đơn vị	Biên chế công chức năm 2023	Trong đó		Ghi chú
			Cơ quan hành chính	Đội công tác PĐQC	
1	*2*		*5*	*6*	*9*
BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC (A+B)		**2.955**	**2.856**	**99**	
A	***Biên chế (I + II):***	**2.944**	**2.845**	**99**	
I	**Các Sở, ban, ngành:**	**1.415**	**1.398**	**17**	
1	Sở Giao thông vận tải	**49**	49		
2	Sở Xây dựng	**73**	73		
3	Sở Tài nguyên và Môi trường	**68**	68		
4	Sở Tài chính	**70**	70		
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	**52**	52		
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	**56**	56		
7	Sở Tư pháp	**41**	41		
8	Sở Công thương	**43**	43		
9	Sở Khoa học và Công nghệ	**35**	35		
10	Sở Lao động - TB và XH	**57**	57		
11	Sở Nông nghiệp và PTNT	**394**	394		
12	Sở Y tế	**71**	71		
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	**55**	55		
14	Sở Nội vụ	**74**	74		
15	Sở Thông tin và Truyền thông	**34**	34		
16	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	**42**	42		
17	Văn phòng UBND tỉnh	**75**	75		
18	Sở Ngoại vụ	**21**	21		
19	Thanh tra tỉnh	**44**	44		
20	Ban Dân tộc	**22**	22		
21	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	**17**	17		
22	VP Ban An toàn giao thông tỉnh	**5**	5		
23	Đội Công tác PĐQC tỉnh	**17**	0	17	

II	**UBND các huyện, TX, TP**	**1.529**	**1.447**	**82**	
1	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	**133**	128	5	
2	UBND thị xã Buôn Hồ	**98**	94	4	
3	UBND huyện Buôn Đôn	**97**	92	5	
4	UBND huyện Cư M'gar	**108**	99	9	
5	UBND huyện Ea H'leo	**106**	96	10	
6	UBND huyện Ea Kar	**105**	100	5	
7	UBND huyện Ea Súp	**96**	91	5	
8	UBND huyện Krông Ana	**98**	93	5	
9	UBND huyện Krông Bông	**97**	93	4	
10	UBND huyện Krông Buk	**98**	93	5	
11	UBND huyện Krông Năng	**98**	93	5	
12	UBND huyện Krông Pắc	**107**	100	7	
13	UBND huyện Lắk	**94**	89	5	
14	UBND huyện M'Drắk	**96**	92	4	
15	UBND huyện Cư Kuin	**98**	94	4	
B	***Biên chế dự phòng***	**11**	**11**		

Phụ lục II

BIÊN CHẾ CÁC HỘI ĐẶC THÙ NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh)

(Đơn vị tính: biên chế)

Số TT	Tên đơn vị	Biên chế năm 2023	Ghi chú
	Tổng cộng (I+II)	**137**	
I	**Hội cấp tỉnh**	***86***	
1	Liên hiệp các Hội KH-KT tỉnh	11	
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh	7	
3	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	17	
4	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	12	
5	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh	9	
6	Hội Đông y tỉnh	8	
7	Hội Nhà báo tỉnh	2	
8	Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài tỉnh	1	
9	Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia tỉnh	1	
10	BĐD Hội người Cao tuổi tỉnh	1	
11	Hội Người tù yêu nước tỉnh	1	
12	Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh	2	
13	Hội Luật gia tỉnh	2	
14	Hội khuyến học tỉnh	1	
15	Hội Kế hoạch hóa gia đình tỉnh	1	
16	Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh	2	
17	Hội Bảo vệ thiên nhiên và Môi trường tỉnh	2	
18	Hội hữu nghị Việt Nam - Lào tỉnh	1	
19	Hội bảo vệ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh	1	
20	Hội nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh	1	
21	Hội người mù tỉnh	3	
II	**UBND các huyện, TX, TP**	**51**	
1	UBND TP Buôn Ma Thuột	4	
2	UBND thị xã Buôn Hồ	4	
3	UBND huyện Buôn Đôn	3	
4	UBND huyện Cư M'gar	3	
5	UBND huyện Ea H'leo	3	

6	UBND huyện Ea Kar	4	
7	UBND huyện Ea Súp	4	
8	UBND huyện Krông Ana	4	
9	UBND huyện Krông Bông	4	
10	UBND huyện Krông Buk	3	
11	UBND huyện Krông Năng	4	
12	UBND huyện Krông Pắc	3	
13	UBND huyện Lăk	3	
14	UBND huyện M'Drắk	3	
15	UBND huyện Cư Kuin	2	